TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HS-ST
Ngày: 06-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Cao Minh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 73/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Vũ Thị N, sinh ngày 03 tháng 10 năm 1980 tại tỉnh Thanh Hóa. Căn cước công dân: 038180001566; nơi thường trú: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: Ô1, lô D, khu phố D, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Xuân T và bà Phạm Thị H; bị cáo có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị N và Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số D A, khu dân cư B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, T1 thuê người nam (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giả để khi cần sẽ sử dụng. Đến năm 2021, T1 làm mất giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giả trên nên T1 liên hệ người nam khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cung cấp thông tin cá nhân của T1 và N để làm 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giả khác với giá tiền là 3.000.000 đồng. Sau đó, T1 nhận được 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 236, quyển số 01/2011,

ngày 07 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Văn T1 và Vũ Thị N và cất giữ tại nhà thuê ở phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Văn T1 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra tại phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Ngày 03 tháng 7 năm 2023, Vũ Thị N đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B gặp đồng chí Phạm Hoàng V là Điều tra viên nộp hồ sơ đăng ký bào chữa cho bị can Nguyễn Văn T1, trong đó có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 236, quyển số 01/2011, ngày 07 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Văn T1 và Vũ Thị N.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B xác định Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 236 được cấp ngày 07 tháng 8 năm 2011 nhưng thể hiện số căn cước công dân 038180001566 của Vũ Thị N được cấp ngày 25 tháng 10 năm 2022 (căn cước công dân cấp sau ngày được cấp giấy chứng nhận kết hôn) nên yêu cầu N đến làm việc thì N thừa nhận hành vi biết rõ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 236 là giả nhưng N vẫn sử dụng để nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B để làm thủ tục cấp bào chữa cho bị can Nguyễn Văn T1.

Tại Bản kết luận giám định số 442/GĐ-PC09(TL) ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 236, quyển số 01/2011, ngày 07 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Văn T1 và Vũ Thị N là giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Vũ Thị N về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Ngày 20 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án hình sự nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 236, quyển số 01/2011, ngày 07 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Văn T1 và Vũ Thị N (là giả), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đóng dấu bút lục và lưu trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKSTDM ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo Vũ Thị N về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51, xử

phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc M hình phạt từ 06 tháng đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 1 năm đến 1 năm 6 tháng.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Bị cáo N nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo được lao động và nuôi 02 con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, kết luận giám định cùng những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định: Ngày 03 tháng 7 năm 2024, Vũ Thị N thực hiện hành vi sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 236, quyển số 01/2011, ngày 07 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương cấp cho Nguyễn Văn T1 và Vũ Thị N do T1 đặt làm giả trước đó để nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B (Phòng PC03), địa chỉ tại khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương để làm thủ tục cấp bào chữa cho Nguyễn Văn T1. Đây là hành vi sử dụng giấy tờ giả để lừa dối cơ quan Nhà nước. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Vũ Thị N để xét xử về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhận thức, bị cáo biết hành vi sử dụng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giả mà không do cơ quan có thẩm quyền cấp là vi phạm pháp luật, nhưng vì ý thức chấp hành pháp luật kém nên bị cáo đã thực hiện; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý.

[4] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý nhà nước về hành chính. Vì vậy, với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như để răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. Bản thân bị cáo N có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội cũng như không ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Ngoài ra, cần tạo điều kiện cho bị cáo N chăm sóc cho gia đình (chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con chung của T1 và bị cáo N do T1 đang chấp hành án). Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Đối với Nguyễn Văn T1, mặc dù có thuê người làm giấy chứng nhận kết hôn giả nhưng sau khi được giao giấy chứng nhận kết hôn giả, T1 để tại nơi thuê trọ và chưa sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật. Tại thời điểm bị cáo N sử dụng giấy chứng nhận kết hôn giả giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B thì T1 đang bị tạm giam, không biết N thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Công an và Viện Kiểm sát không đề cập truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T1 là đúng.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị N phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Vũ Thị N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (06 tháng 6 năm 2025).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật

thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 39/2025/LCĐKNCT-TA ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Vũ Thị N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng